TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2025/DS-ST
Ngày 29 tháng 9 năm 2025
"Tranh chấp về hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Síu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Thủy.

2. Bà Ngô Thị Thao.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Đại Bình - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Quỳnh Như- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025 tại Toà án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2025/TLST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2025 về việc: "*Tranh chấp về hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐXXST - DS ngày 18 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên toà số 32/2025/QĐST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2025 và số 64/2025/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) S. Địa chỉ: 266-268 N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng Q, sinh năm 1994 – Chức vụ: Chuyên viên thu hồi nợ. Địa chỉ: 266-268 N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 26/02/2025). Vắng mặt

- Bị đơn: Ông Võ Ngọc S, sinh năm 1981. Địa chỉ: 16/2 N, phường P tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 9 năm 2024 và lời khai tại các bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn trình bày:

Ngày 23/10/2020, ông Võ Ngọc S có ký kết với Ngân hàng TMCP S hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cụ thể là Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản

Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng. Căn cứ vào thu nhập của ông S, ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, loại thẻ là VS payWave Cre Platinum Cashback là loại thẻ tín dụng quốc tế, hạng cao cấp, mức lãi áp dụng là 2,482%/tháng (29,8/năm), lãi suất quá hạn là 150% mức lãi áp dụng trong hạn.

Sau khi được cấp thẻ số 436438-1526, tính đến cuối kỳ thanh toán ngày 05/9/2023, ông S đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền gốc là 55.032.000 đồng, ông S đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 45.587.963 đồng.

Do sau ngày 05/9/2023, ông S vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 06/01/2024, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ là 47.468.079 đồng thành nợ gốc sang áp dụng nợ quá hạn theo thỏa thuận quy định tại Điều 24 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng, mức lãi suất quá hạn là 150% mức lãi áp dụng trong hạn (2,482%/tháng) = 3,723%/tháng.

Ngày 21/8/2024, ông S trả 2.000.000 đồng; ngày 13/9/2024 trả 5.000.0000 đồng; ngày 17/10/2024 trả 5.000.000 đồng. Số tiền này ông S trả trong thời gian nợ quá hạn nên được ưu tiên trừ vào nợ gốc tại thời điểm trả nợ, do vậy số tiền gốc còn nợ tính đến ngày 29/9/2025 là 35.468.079 đồng. Nợ lãi quá hạn từ ngày 06/01/2024 đến ngày 29/9/2025 là 31.753.904 đồng.

Do vậy, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông S trả ngay cho Ngân hàng TMCP S nợ gốc là 35.468.079 đồng và nợ lãi quá hạn 31.753.904 đồng và thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 30/9/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Đảm bảo tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn đã chấp hành quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

Căn cứ theo các tài liệu và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Căn cứ Điều 91, 95, 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ Điều 13, Điều 20 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 điều 35, khoản 1 Điều 39, và các điều 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S về buộc ông Võ Ngọc S phải trả tiền nợ gốc là 35.468.079 đồng và nợ lãi là 31.753.904 đồng và thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 30/9/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

- Về án phí: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Qua xác minh, bị đơn có nơi cư trú tại phường Tây Sơn nay là phường Pleiku, tỉnh Gia Lai nên Toà án nhân dân thành phố Pleiku nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Gia Lai có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[1.2]. Quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Võ Ngọc S phải thanh toán số nợ do sử dụng thẻ tín dụng theo "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng" và "Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng" nên đây là vụ án "Tranh chấp về hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Xét xử vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. Mặc dù bị đơn không có mặt tại Tòa án và không giao nộp văn bản trình bày ý kiến, tài liệu cho Tòa án. Nhưng căn cứ các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định: Giữa Ngân hàng TMCP S và ông Võ Ngọc S ký kết giao dịch dân sự về cấp thẻ tín dụng cá nhân loại thẻ Visa Platinum Cashback là thẻ tín dụng quốc tế hạng cao cấp, theo văn bản có tiêu đề "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng" ngày 23/10/2020. Các chủ thể ký kết tự nguyện, đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật. Căn cứ quy định tại Điều 91, Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, hình thức và nội dung của giao dịch đúng quy định nên phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên.

Nội dung thỏa thuận giao dịch cấp thẻ tín dụng giữa hai bên quy định cụ thể, chi tiết tại văn bản "Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S".

Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông S trả ngay cho Ngân hàng TMCP S nợ gốc là 35.468.079 đồng và nợ lãi quá hạn từ ngày 06/01/2024 đến ngày 29/9/2025 theo mức lãi suất 150% mức lãi áp dụng trong hạn (2,482%/tháng) = 3,723%/tháng là 31.753.904 đồng và thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 30/9/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

[2.2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ông Võ Ngọc S đã sử dụng thẻ và thực hiện tổng giao dịch là 55.032.000 đồng, ông S thực hiện thanh toán nợ đến cuối kỳ thanh toán ngày 05/9/2023 là 45.587.963 đồng. Sau đó, ông S không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khi đến hạn nên ngày 06/01/2024, Ngân hàng TMCP S căn cứ điểm a, b khoản 24.4 Điều 24 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Sacombank dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng của ông S và chuyển toàn bộ dư nợ sang áp dụng lãi suất quá hạn .

Ngày 21/8/2024, ông S trả 2.000.000 đồng; ngày 13/9/2024 trả 5.000.0000 đồng; ngày 17/10/2024 trả 5.000.000 đồng. Số tiền này ông S trả trong thời gian nợ quá hạn nên được ưu tiên trừ vào nợ gốc tại thời điểm trả nợ là phù hợp với khoản 5 Điều 1 Thông tư 06/2023/TT-NHNN ngày 28/6/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Do vậy, số tiền gốc còn nợ tính đến ngày 29/9/2025 là 47.468.079 đồng – 12.000.000 đồng = 35.468.079 đồng.

Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng thì: "Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật". Từ ngày 05/9/2023 đến ngày 06/01/2024, ông S không trả cho ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ đến hạn tại hợp đồng đã ký kết giữa các bên, Ngân hàng TMCP S chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn và tính lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận tại b khoản 24.4 Điều 24 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Sacombank là phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Như vậy, yêu cầu của nguyên đơn về tính tiền lãi là có căn cứ nên cần được xem xét chấp nhận, buộc ông S phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền lãi tính đến ngày 29/9/2025 là 31.753.904 đồng, mức lãi suất áp dụng từ ngày 06/01/2024 đến ngày 29/9/2025 là 150% x 2,482%/tháng = 3,723%/tháng.

Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Võ Ngọc S phải trả số tiền nêu trên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

3. Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Võ Ngọc S phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.361.099 đồng.

4. Phát biểu của Đại diện viện kiểm sát là phù hợp, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015*;*

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ các điều 91, 95, 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng các điều 117, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín:

Buộc ông Võ Ngọc S phải trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín tổng dư nợ đến ngày 29/9/2025 là 67.221.983 đồng, trong đó nợ gốc là 35.468.079 đồng và nợ lãi là 31.753.904 đồng.

Kể từ ngày 30/9/2025 cho đến khi thi hành án xong, ông Võ Ngọc S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng.

2. Án phí:

Buộc bị đơn ông Võ Ngọc S phải chịu 3.361.099 đồng đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín 1.385.000 đồng tiền nộp tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0055038 ngày 19/11/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận (cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành

án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 7 – Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 7 – Gia Lai;
- Đương sự;
- Lưu VP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hoàng Thị Síu